

Nguy cơ rơi vào bẫy thu nhập trung bình: Nhìn dưới góc độ mô hình tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam

CHU VĂN CẤP & NGUYỄN ĐỨC HẢI

Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

Nhận bài: 27/07/2015 - Duyệt đăng: 20/08/2015

Mô hình tăng trưởng kinh tế (MHTTKT) ở VN trong gần 30 năm qua đã tạo ra được tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh, cao trong thời gian nhất định; do đó, quy mô của nền kinh tế đã được mở rộng đáng kể. Thu nhập bình quân đầu người tăng khá... góp phần đưa nước ta thoát khỏi tình trạng nước nghèo, kém phát triển và bước vào hàng ngũ các nước đang phát triển có mức thu nhập trung bình thấp. Tuy nhiên, MHTTKT của VN cho đến nay chưa được định hình một cách hoàn chỉnh về mặt lý luận và việc kéo dài MHTT này trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, mạnh mẽ như hiện nay sẽ gây ra những hệ quả tiêu cực cả trong ngắn hạn và dài hạn và nguy cơ VN rơi vào bẫy thu nhập trung bình là hiện hữu. Bài viết này có mục đích là làm rõ nguy cơ rơi vào bẫy thu nhập trung bình (BTNTB) dưới góc độ “nguồn gốc” của MHTT. Từ đó luận giải sự lựa chọn MHTTKT phù hợp với bối cảnh để tránh BTNTB.

Từ khoá: Mô hình tăng trưởng kinh tế, thu nhập bình quân, bẫy thu nhập trung bình, hội nhập quốc tế.

1. Vài nét về mô hình tăng trưởng kinh tế và bẫy thu nhập trung bình

1.1. Mô hình tăng trưởng kinh tế

MHTTKT là cách diễn đạt cơ bản nhất về tăng trưởng kinh tế (TTKT) và các nhân tố tác động đến TTKT. Lý thuyết và MHTTKT đã trải qua những bước phát triển lớn lao: quan điểm về nguồn gốc của TTKT thay đổi theo thời gian với xu hướng ngày càng rõ ràng hơn, đầy đủ hơn những nhân tố chi phối sự tăng trưởng.

Thật vậy, việc tìm hiểu yếu tố nào tạo nên sự tăng trưởng đã trở thành một trong những câu hỏi

trung tâm của kinh tế học. Xét một cách tổng thể, tăng trưởng kinh tế (TTKT) chịu sự tác động của nhiều nhân tố bao gồm các nhân tố kinh tế và phi kinh tế. Các nhân tố kinh tế bao gồm: Vốn vật chất, lao động, vốn con người, tiến bộ kỹ thuật. Đây là 4 nhân tố cơ bản tác động đến TTKT. Và còn các nhân tố kinh tế khác như: vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), thương mại quốc tế, vai trò nhà nước và chi tiêu công cộng, cơ cấu ngành kinh tế, vai trò của doanh nghiệp nhà nước... (Trần Thọ Đạt, 2010). Các nhân tố phi kinh tế gồm: văn hóa - xã hội, thể chế, sự tham gia của cộng đồng, dân chủ và phát triển...

Các nhân tố phi kinh tế có tác động gián tiếp đến TTKT và khó lượng hoá mức độ tác động của chúng đến TTKT.

Về lý thuyết và MHTTKT, sắp xếp và hệ thống theo thứ tự thời gian là như sau:

- Lý thuyết tăng trưởng cổ điển (thế kỷ XVIII), mà tiêu biểu là A.Smith và D.Ricardo.

- Lý thuyết tăng trưởng của C.Mác (thế kỷ XIX).

- Mô hình tăng trưởng của trường phái Keynes (thế kỷ XX).

- Mô hình tăng trưởng tân cổ điển (giữa thế kỷ XX).

- Mô hình tăng trưởng nội sinh (cuối thế kỷ XX) (PGS. TS Trần

Thọ Đạt, 2010).

Từ thập kỷ 90 của thế kỷ XX đến nay, các nghiên cứu TTKT vĩ mô phát triển khá nhanh, với mục tiêu khám phá các nhân tố tác động tới TTKT của các quốc gia hay các vùng. Những nghiên cứu này khởi nguồn từ sự phát triển mạnh mẽ của các lý thuyết tăng trưởng nội sinh, nhưng được mở rộng bao hàm các chính sách, các vấn đề thể chế và đặc biệt là tích lũy vốn con người.

1.2. Bẫy thu nhập trung bình là gì?

Từ quan điểm của Indermit Gill, chuyên gia kinh tế trưởng của WB, của Homi Kharas ở Viện Brookings và của GS. Kenichi Ohno, Viện Nghiên cứu chính sách quốc gia Nhật, có thể hiểu: Bẫy thu nhập trung bình là khái niệm chỉ tình trạng một quốc gia thoát nghèo, gia nhập vào nhóm nước có thu nhập trung bình, với mức GDP trong khoảng 1025-9.385USD/người/năm nhưng mất nhiều thập kỷ vẫn không trở thành quốc gia phát triển (nước có GDP trên 9.385 USD/người/năm và đạt các tiêu chí khác về phát triển công nghệ, kinh tế - xã hội, khả năng viện trợ cho nước ngoài...). Nói một cách khác ngắn gọn: Bẫy thu nhập trung bình là tình trạng bất lực, không thoát ra khỏi mô hình kinh tế dựa trên lao động rẻ và phương pháp sản xuất công nghệ thấp.

Thoát nghèo là cả một quá trình dài, phần đầu không mệt mỏi của các quốc gia. Song, từ việc thoát nghèo đến thịnh vượng lại là một quá trình phức tạp, khó khăn hơn nhiều lần so với quá trình thoát nghèo. Vào những năm 80 của thế kỷ XX, rất nhiều nước có tốc độ tăng trưởng khá cao ở khu vực châu Á như: Indonesia, Malaysia,

Philippines, Thái Lan và gần đây là Trung Quốc... hoặc ở Trung Đông và Mỹ La tinh nhưng đến nay những nước này vẫn bị mắc kẹt trong bẫy thu nhập trung bình (TS. Đỗ Thị Đông, 2013, tr.272). Nguyên nhân cơ bản của tình trạng vướng vào bẫy thu nhập trung bình được mô tả có thể bao gồm các vấn đề: (i) Sự suy giảm hiệu quả vốn đầu tư sau quá trình tăng trưởng kinh tế; (ii) Tiếp tục tình trạng của một nền kinh tế gia công (nền kinh tế trong nước không đủ sức tạo ra giá trị gia tăng mới để tham gia vào chuỗi giá trị công nghiệp toàn cầu do chất lượng nguồn nhân lực thấp; (iii) Sự thống trị của các tập đoàn mang thương hiệu nước ngoài; và (iv) Sự phân hoá thu nhập đưa đến phân cực trong xã hội.

2. Những hạn chế, yếu kém của mô hình tăng trưởng kinh tế và nguy cơ rơi vào bẫy thu nhập trung bình

Mô hình tăng trưởng kinh tế mà VN thực hiện trong gần 30 năm qua là MHTT theo chiều rộng - dựa trên cơ sở khai thác lợi thế về tài nguyên thiên nhiên, sức lao động giá rẻ và nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài (vốn vay và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài), tuy đã tạo ra được tốc độ tăng trưởng cao, nhanh trong một thời gian nhất định và do đó quy mô của nền kinh tế, thu nhập bình quân đầu người đã được mở rộng và tăng khá. Nhưng, việc kéo dài MHTT này đang bộc lộ những điểm yếu cơ bản và nguy cơ VN rơi vào BTNTB là hiện hữu. Điều đó thể hiện ở một số điểm dưới đây:

Thứ nhất, tốc độ tăng trưởng tương đối cao nhưng chưa tạo tiền đề để thoát khỏi BTNTB. Tốc độ TTKT trong 30 năm đổi mới vừa qua đạt trung bình khoảng 6-7%/

năm. Tuy nhiên, tăng trưởng không ổn định và đang có xu hướng giảm sút, nhất là từ năm 2008 đến nay, nền kinh tế không chỉ suy giảm về tốc độ tăng trưởng, mà còn bộc lộ những yếu kém và những bất ổn và báo hiệu tình trạng suy giảm và trì trệ kéo dài, tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2011-2015 ước tính đạt trung bình dưới 6%/năm. Quy mô của nền kinh tế mặc dù đã được mở rộng đáng kể, nhưng vẫn còn ở mức rất thấp và có khoảng cách xa so với các nước phát triển trong khu vực. Chẳng hạn, năm 2011, GDP của VN tính bằng USD theo tỷ giá thực tế là 133,1 tỷ USD, trong khi đó, Indonesia: 846,8 tỷ USD, Thái Lan: 345,7 tỷ USD (*Thời báo kinh tế VN*, Kinh tế 2014-2015, tr.108). Trong các nước ASEAN, VN vẫn thuộc nhóm 4 quốc gia (Campuchia, Lào, Myanmar và VN) có mức thu nhập bình quân đầu người thấp nhất.

Thứ hai, chất lượng tăng trưởng thấp, khả năng để đạt mức thu nhập trung bình cao (từ 3.036-9.385USD) là khá lâu dài.

Từ năm 2009 đến nay, VN liên tiếp đạt mức thu nhập bình quân đầu người năm sau cao hơn năm trước với mức tăng ấn tượng. Đến năm 2010 là GDP/người/năm đã đạt được 1.273 USD, năm 2011 là 1.517 USD, năm 2012: 1.749 USD, năm 2013: 1.908 USD và năm 2014 đạt: 2.053 USD (*Thời báo kinh tế VN*, Kinh tế 2014-2015, tr.89). Với mức thu nhập 1.273 USD/người, năm 2010, VN chính thức bước vào nước có mức thu nhập trung bình thấp.

Trong những năm qua, chất lượng và hiệu quả tăng trưởng thấp, tăng trưởng chủ yếu dựa vào các yếu tố chiều rộng: (1) Đóng góp của nhân tố năng suất tổng

hợp (TFP) vào tăng trưởng thấp và có xu hướng giảm sút trong các năm gần đây. Trong thời kỳ 1990-2000 đóng góp 44% vào tăng trưởng GDP, đến giai đoạn 2001-2010, phần đóng góp của TFP vào tăng trưởng chỉ có 26%, thấp hơn nhiều so với các nước trong khu vực (Hàn Quốc 32%, Thái Lan 36%, Indonesia 28%) (Hội thảo khoa học, 2014); (2) Năng suất lao động của VN thấp hơn nhiều so với ASEAN, năm 2011, chỉ bằng 1/2 và bằng 1/3,5 các nước Đông Á, chỉ bằng 1/16 của Singapore; (3) Hiệu quả đầu tư không cao, nhất là đầu tư công. Hệ số ICOR, giai đoạn 2001-2005 là 5,2 lần, giai đoạn 2006-2010 là 6,2 lần, giai đoạn 2011-2014 bình quân là 5,5 lần (*Thời báo kinh tế VN*, Kinh tế 2014-2015, tr.92); và (4) Trình độ công nghệ nhìn chung còn lạc hậu khá xa so với các nước trong khu vực. Theo đánh giá của WEF (Diễn đàn Kinh tế Thế giới) trình độ công nghệ của các doanh nghiệp VN xếp thứ 92/104 nước so sánh, năng lực cạnh tranh xếp thứ 77...

Thứ ba, cơ cấu kinh tế lạc hậu, kém hiệu quả, chậm chuyển dịch theo hướng hợp lý và hiệu quả. Tỷ trọng nông nghiệp (nông - lâm - thủy sản) hiện còn chiếm trên dưới 20% trong GDP, tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng chiếm xấp xỉ 40% GDP và dịch vụ chiếm xấp xỉ 40%. Nhưng điều đáng nói là: Cho đến nay vẫn thiếu vắng nhiều ngành công nghiệp trung gian đặc biệt là công nghiệp phụ trợ, nên hầu hết các ngành công nghiệp của VN là ngành “công nghiệp gia công”. Cơ cấu trình độ công nghệ của các ngành công nghiệp lạc hậu và chậm đổi mới công nghệ. Kết cấu hạ tầng giao thông, vận tải, năng lượng... còn rất yếu kém so

với các nước trong khu vực, chưa đủ sức làm nền tảng cho sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Thứ tư, tăng trưởng kinh tế chưa gắn với yêu cầu phát triển bền vững.

Sự lan toả của tăng trưởng kinh tế đến các vùng sâu, vùng xa, đến các đối tượng dễ bị tổn thương chưa mạnh. Mức sống, mức thu nhập của dân cư có xu hướng giảm dần, nhiều vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết, nhất là giáo dục và đào tạo, y tế chăm sóc sức khỏe dân cư, xoá đói giảm nghèo chưa bền vững, khoảng cách giàu nghèo ngày càng lớn, sự gia tăng bất bình đẳng xã hội, đạo đức, lối sống trong một bộ phận xã hội xuống cấp, tội phạm và tệ nạn xã hội ngày càng nhiều.

Tình trạng ô nhiễm môi trường ở nước ta ngày càng trầm trọng; nguy cơ mất cân bằng sinh thái đang hiện hữu; MHTT theo chiều rộng đã tập trung khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên và sự khai thác có tính chất tàn phá, huỷ diệt các nguồn tài nguyên thiên nhiên và sự phát triển các loại hình sản xuất không thân thiện với môi trường... đã làm cho nguồn tài nguyên thiên nhiên nước ta ngày càng suy kiệt, cạn kiệt và làm giảm sút đa dạng sinh học.

Nguyên nhân của việc duy trì MHTT theo chiều rộng:

Có nguyên nhân khách quan do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế toàn cầu, thiên tai, dịch bệnh. Nhưng trực tiếp và chủ yếu vẫn là các nguyên nhân chủ quan như:

- Quan điểm chạy theo mục tiêu tăng trưởng nhanh và bệnh thành tích trong kinh tế.

- Những hạn chế về nguồn lực

tăng trưởng theo chiều sâu (thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao, thiếu công nghệ hiện đại...).

- Chính sách đầu tư và những khiếm khuyết trong quản lý và sử dụng vốn đầu tư.

- Những bất cập trong quản lý và điều hành kinh tế vĩ mô.

Hệ lụy

Những khiếm, khuyết, bất cập của MHTTKT này tất yếu dẫn đến những hệ lụy trực tiếp trước mắt và triển vọng phát triển dài hạn. Đó là:

- Đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế khá, nhưng vẫn trong tình trạng tụt hậu so với các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới. Ví dụ, nếu duy trì được tốc độ tăng trưởng như vừa qua thì thu nhập bình quân đầu người của VN để bằng mức hiện nay của Indonesia phải mất 5 năm, bằng mức của Thái Lan phải mất 20 năm, Malaysia là 24 năm (đó là phép tính đặt trong trường hợp các nước đó “đứng yên”.

- Chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế thấp và khi tài nguyên và lao động rẻ được khai thác “kịch trần” thì động lực tăng trưởng và phát triển sẽ không còn và VN sẽ rơi vào thời kỳ tăng trưởng thấp, không như mong muốn được nêu trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 là 7-8%/năm và mục tiêu đến năm 2020 thu nhập bình quân đầu người theo giá thực tế đạt khoảng 3.000USD là không dễ dàng.

- Nguy cơ rơi vào “bẫy thu nhập trung bình”, như các chuyên gia kinh tế của ADB, IMF và nhiều tổ chức kinh tế... đã đưa ra lời khuyên cáo đối với VN.

Vì vậy, lựa chọn MHTT sao cho vừa thúc đẩy kinh tế phát triển, tăng nhanh thu nhập và cải thiện đời sống dân cư, đưa nền kinh tế

tiến lên phía trước mà không bị rơi vào bẫy thu nhập trung bình, vừa giải quyết được vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái, được đặt ra một cách cấp bách.

3. Lựa chọn và thực thi mô hình tăng trưởng “mới” để tránh bẫy thu nhập trung bình

3.1. Bối cảnh lựa chọn MHTT mới

Trong bối cảnh các nước trên thế giới đang thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế, hướng tới sự phát triển tăng trưởng xanh và bền vững; đất nước ta ngày càng hội nhập sâu, rộng, đẩy đủ vào nền kinh tế thế giới và khu vực trong khi nền kinh tế đang chịu sức ép lớn về ô nhiễm môi trường, và biến đổi khí hậu, nhất là nước biển dâng và những “điểm nghẽn” (sự yếu kém và không phù hợp của thể chế, chính sách, sự yếu kém của hệ thống kết cấu hạ tầng và chất lượng nguồn nhân lực thấp) cản trở quá trình tăng trưởng kinh tế, muốn đẩy mạnh tăng trưởng, phát triển kinh tế có hiệu quả, tránh bẫy thu nhập trung bình, tất yếu phải đổi mới MHTT.

3.2. Nội dung mô hình tăng trưởng mới

MHTT của VN trong thời gian tới là lấy nâng cao năng suất lao động hiệu quả sử dụng các nguồn lực và sức cạnh tranh của nền kinh tế làm mục tiêu hàng đầu nhằm vừa đảm bảo phát triển kinh tế, vượt bẫy thu nhập trung bình, phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội. Đại hội lần thứ XI của Đảng (2011) đã chỉ rõ: “Chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chủ yếu phát triển theo chiều rộng sang phát triển hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu, vừa mở rộng quy mô, vừa chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính bền vững”. “Phát

triển kinh tế - xã hội phải luôn luôn coi trọng bảo vệ và cải thiện môi trường, phát triển kinh tế xanh”. Đó có thể coi là những nội dung cơ bản của MHTTKT mới, giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Có thể hiểu và cụ thể hoá MHTTKT này như sau:

(1) Kết hợp hài hoà giữa tăng trưởng theo chiều rộng và chiều sâu, trong đó tăng trưởng theo chiều sâu là hướng tới chỉ đạo.

Điều này có nghĩa là VN vẫn phải tiếp tục huy động tối đa các nguồn vốn đầu tư, các nguồn lực khác, kết hợp các loại công nghệ có trình độ khác nhau để toàn dụng lao động; đồng thời, liên tục cải thiện và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực đó để có được tốc độ tăng trưởng cao, bền vững và liên tục trong nhiều năm.

TTKT theo chiều sâu là hướng chủ đạo thể hiện thông qua yêu cầu coi trọng năng suất, chất lượng hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Các ngành kinh tế trọng điểm, mũi nhọn phải từng bước đi vào hiện đại, phát huy ảnh hưởng lan toả đến sự phát triển các ngành kinh tế khác. Hướng đi này không chỉ thực hiện trong trung hạn, dài hạn, mà phải thực hiện ngay trong những năm đầu của tái cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới MHTT và hướng đi này phải được đảm bảo bằng sự thay đổi căn bản chính sách đầu tư, trong đó, quan trọng là ưu tiên đầu tư nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao năng lực công nghệ nội sinh, hiện đại hoá kết cấu hạ tầng...

(2) MHTTKT mới theo hướng thân thiện với môi trường: TTKT đi đôi với sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên; nâng cao khả năng tái sinh tài nguyên; phòng, chống suy thoái, ô nhiễm môi trường, coi

trọng TTKT xanh, khuyến khích sản xuất và tiêu dùng sạch, bền vững.

(3) MHTT mới hướng tới mục tiêu phát triển con người: TTKT gắn với phát triển xã hội, trọng tâm là giải quyết việc làm, xoá đói giảm nghèo bền vững, phát triển hệ thống an sinh xã hội, bảo đảm bình đẳng dân tộc và bình đẳng giới; TTKT gắn với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; TTKT gắn với nâng cao mức sống cho quảng đại quần chúng nhân dân thông qua chính sách phân phối và phân phối lại...

Việc thực hiện có hiệu quả MHTT này là điều kiện hàng đầu để VN có thể thoát khỏi BTNTB và bước lên những nấc thang phát triển mới một cách vững vàng.

3.3. Thực thi mô hình tăng trưởng mới đòi hỏi:

3.3.1. Đổi mới và tái cơ cấu nền kinh tế

Phải coi đây là quá trình liên tục, thường xuyên, vừa cấp bách trước mắt, vừa lâu dài. Cơ cấu kinh tế phải vừa khai thác lợi thế cạnh tranh hiện có, vừa tạo điều kiện để hình thành và xây dựng các lợi thế cạnh tranh trong tương lai ở một số ngành công nghệ cao, công nghiệp hiện đại, ngành dịch vụ có tiềm năng để từng bước đưa nền kinh tế nước ta đạt đến trình độ phát triển cao hơn và cuối cùng là trở thành một nền kinh tế phát triển.

3.3.2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hội nhập và định hướng xuất khẩu

Kết nối được nền kinh tế nước ta với nền kinh tế khu vực và toàn cầu; cải thiện vị thế của từng doanh nghiệp, từng ngành và cả nền kinh tế trong chuỗi giá trị toàn cầu; đồng thời, chú ý hơn đến nhu cầu tiêu dùng của thị trường trong nước.



3.3.3. Nâng cao hiệu quả các chỉ tiêu tăng trưởng

Cần phải nâng cao hiệu quả của tăng trưởng, chuyển hướng hoạt động của nền kinh tế theo các khía cạnh chiều sâu của sự phát triển. Cụ thể là: Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trình độ khoa học và công nghệ, tăng cường ảnh hưởng của các nhân tố năng suất tổng hợp (TFP), nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tăng năng suất lao động, hướng hoạt động của nền kinh tế theo các ngành, các lĩnh vực có giá trị gia tăng, giảm chi phí trung gian, chủ động sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm hàng hóa có dung lượng công nghệ cao trên cơ sở khai thác triệt để lợi thế của đất nước, thực hiện đồng bộ hoá quá trình khai thác và chế biến sản phẩm. Những điều đó đòi hỏi tăng cường đầu tư theo chiều sâu đối với các yếu tố nguồn lực làm nền tảng cho tăng trưởng bền vững dài hạn. Cụ thể là:

(1) Tăng đầu tư cho xây dựng hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật tạo tiền đề cho TTKT dài hạn, bền vững. Chú trọng đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật như kết cấu hạ tầng giao thông, năng lượng, cấp thoát nước, hạ tầng viễn thông, khu công nghiệp tập trung,

khu công nghệ cao, các khu kinh tế mở... Đồng thời quan tâm đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại, văn hóa - xã hội. Để có thể tăng tỷ trọng vốn thu hút vào đầu tư kết cấu hạ tầng cần đa dạng hoá hình thức và nguồn vốn đầu tư... đặc biệt là khuyến khích tư nhân trong và ngoài nước đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng.

(2) Tăng cường đầu tư cho phát triển nguồn nhân lực. Đầu tư phát triển nguồn nhân lực được thể hiện trực tiếp nhất trong việc tăng cường đầu tư cho giáo dục và đào tạo. “Đầu tư cho giáo dục và đào tạo là đầu tư cho phát triển”, thực chất là đầu tư vào phát triển NNL. Đây là vấn đề có ý nghĩa quan trọng trong mọi thời kỳ phát triển. Tăng đầu tư cho giáo dục và đào tạo sẽ giúp cho VN có được một lực lượng lao động có trình độ, có kỹ năng, có năng lực sáng tạo và đổi mới, và có năng lực thích ứng với hội nhập quốc tế...

(3) Tăng đầu tư cho khoa học và công nghệ.

- Cần có một chiến lược dài hạn về đầu tư cho hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm để tạo bước đột phá về một số công nghệ cao có tác động tích cực đến nâng cao

hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

- Tăng đầu tư cho khoa học và công nghệ lên mức khoảng 1% GDP, đồng thời đẩy mạnh xã hội hoá, huy động mọi nguồn lực xã hội, nhất là của các doanh nghiệp cho phát triển khoa học và công nghệ. Giải pháp quan trọng cho việc tăng cường đầu tư cho đổi mới công nghệ là chính sách thu hút FDI. FDI phải nhằm mục tiêu nâng cấp công nghệ và nâng cấp nền kinh tế. Do đó, phải quan tâm đầu tư hấp thụ công nghệ và kỹ năng hơn là đầu tư tư liệu sản xuất, máy móc hay các nhà máy. Để thực hiện vấn đề này cần chú ý 2 điểm mấu chốt: (1) Phải lựa chọn các nhà đầu tư và các dự án đầu tư phù hợp và (2) Tạo sức hấp dẫn và niềm tin cho các nhà đầu tư khi bỏ vốn vào VN.

3.3.4. Hoàn thiện thể chế, tập trung vào thể chế kinh tế

Thể chế được hiểu là các ràng buộc do con người tạo ra nhằm quy định cấu trúc tương tác giữa người với người. Các thể chế chính trị - xã hội, kinh tế... được thừa nhận có tác động đến quá trình phát triển của đất nước. Trong cuốn sách *Tại sao các quốc gia thất bại - nguồn gốc của quyền lực, thịnh vượng và nghèo đói*, Daron Acemoglu và James Robinson đã khẳng định: “Không phải lý do từ văn hóa, thời tiết hay yếu tố địa lý, cũng không phải do thiếu hiểu biết về những chính sách đúng đắn mà chính là thể chế kinh tế và chính trị do con người tạo ra là nguyên nhân căn bản cho sự thành công (hay không thành công) về kinh tế xã hội” (Daron Acemoglu và James Robinson, 2013).

(Xem tiếp trang 30)